TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2017/DS-PT
Ngày 21-12-2017
V/v tranh hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An*:* Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 184/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: 43 Ô6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền 18/12/2017).

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Đại H, sinh năm 1966.

- Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn Đại H (Đồng bị đơn), là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Văn Liên Tr, sinh năm 1938.

- Anh Văn Nhật H, sinh năm 2002.

- Anh Văn Hào Q, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho H, Q: Bà Phan Thị H (Nguyên đơn), cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An, là người đại diện theo pháp luật (Mẹ ruột).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Đại H, bà Võ Thị Thanh N.

(Các đương sự có mặt, ông Tr xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị H và lời trình bày của ông Mai Thanh N đại diện theo ủy quyền của bà H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào ngày 14/10/2013, ông Văn Liên T là chồng của bà H có ký hợp đồng thi công nhà ở với ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N. Theo nội dung hợp đồng, ông Văn Liên T thi công xây dựng nhà cho ông H và bà N diện tích là 75m^2, giá trị hợp đồng là 112.000.000 đồng. Hợp đồng được hoàn thành và ông T đã bàn giao nhà cho ông H và bà N sử dụng vào ngày 28/12/2013 âm lịch. Khi giao bàn giao công trình xây dựng xong, ông H và bà N còn nợ ông T 23.331.000 đồng chưa trả thì đến ngày 17/12/2015 ông T chết. Nay bà H yêu cầu ông H và bà N trả cho bà H 23.331.000 đồng.

Ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng thi công nhà ở với ông Văn Liên T và xác nhận giá trị thi công xây dựng, thời gian bàn giao nhà và sử dụng cũng như số tiền công còn nợ ông T như ông N đại diện bà H trình bày. Do quá trình thi công, ông T xây dựng không đảm bảo kỹ thuật, nền gạch không bằng phẳng dẫn đến việc không khép được cửa chính, ông có báo với ông T, ông T thừa nhận và hứa sẽ sửa chữa lại cho ông, bà. Tuy nhiên, do cận ngày tết nên ông bà nhận nhà để ở vì ông T hứa sửa chữa nhưng sau đó thì ông T chết. Nay bà H yêu cầu ông bà trả số tiền công xây dựng còn nợ là 23.331.000 đồng, ông bà đồng ý nhưng bà H phải có trách nhiệm sửa chữa lại nền nhà và những phần xây dựng không đạt yêu cầu cho ông bà.

Ông Văn Liên Tr trình bày: Ông là cha ruột của ông Văn Liên T, ông có biết việc ông T hợp đồng xây dựng với ông H, bà N. Nay ông T chết, bà H là vợ ông T khởi kiện đòi ông H và bà N trả tiền công còn nợ là 23.331.000 đồng, ông xác định ông không có quyền lợi đối với số tiền trên nên không có yêu cầu tranh chấp mà quyền khởi kiện là của bà H, đồng thời ông xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 184/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017, Toà án nhân dân huyện Đ căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 515, Điều 288 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H: Buộc ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền 23.331.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án.

Ngày 25/9/2017, bị đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị H không rút đơn khởi kiện, ông H giữ nguyên kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tại cấp sơ thẩm bị đơn không phản tố yêu cầu nguyên đơn sửa chữa hoặc bồi thường do thi công không đạt chất lượng nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp. Bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn tiền thi công 23.331.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc thanh toán là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả là không căn cứ, đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bị đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn 23.331.000 đồng, tiền công xây dựng căn nhà của bị đơn. Với lý do ông Văn Liên T - chồng của bà H thi công căn nhà của ông H bà N không đạt chất lượng, cụ thể cầu thang vẫn còn bị vết nứt sau khi đã sửa chữa, nền nhà lót bị nghiêng, trần nhà bị nứt thấm nước. Nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn không phản tố yêu cầu nguyên đơn sửa chữa hoặc bồi thường do thi công không đạt chất lượng nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thừa nhận còn thiếu nguyên đơn tiền thi công 23.331.000 đồng nên cấp sơ thẩm xử buộc thanh toán là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả là không căn cứ, cần y án sơ thẩm.

[3] Tuy nhiên, trong trường hợp ông T thi công không đảm bảo chất lượng như bị đơn trình bày, bị đơn có quyền yêu cầu nguyên đơn sửa chữa hoặc bồi thường theo quy định pháp luật, nếu các bên không thỏa thuận được.

[4] Về án phí phúc thẩm bị đơn phải chịu, do không chấp nhận kháng cáo.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 519 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 112, Điều 138, Điều 144 của Luật xây dựng năm 2014; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N phải liên đới trả tiền thi công xây dựng cho bà Phan Thị H là 23.331.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N liên đới chịu 1.166.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Phan Thị H là 584.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000455 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đại H và bà Võ Thị Thanh N liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông H bà N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001313 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; ông H bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phúc thẩm xử công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc